

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83 /2024/DS –ST
Ngày: 01 - 4 - 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sức; Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2021/QĐST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Ngọc N, sinh năm 1985, nơi cư trú: số D, tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Quang H, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1981, cùng nơi cư trú: số E, tổ C, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày :

Do chỗ quen biết nên ngày 17/05/2021 bà Phan Ngọc N có cho vợ chồng ông H và bà T vay số tiền 80.000.000đ. Phía ông H và bà T lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng C ngày 17 tháng 5 năm 2021 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04872 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp

cho vợ chồng ông **H**, bà **T** cùng đứng tên diện tích 215m², thửa đất số 215, tờ bản đồ số 14 cấp ngày 06/12/2017 đất tọa lạc tại **thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang**, lãi suất thoả thuận 12%/ năm thoả thuận đóng lãi hàng tháng, mục đích vay để làm ăn. Sau khi vay vợ chồng họ có đóng lãi hàng tháng cho đến tháng 3/2023 thì ngưng không đóng lãi cho đến nay. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay tài sản vợ chồng ông **Trần Quang H** và bà **Huỳnh Thị Diễm T** không thực hiện đúng như thỏa thuận ban đầu và đến nay đã hết thời hạn vay theo hợp đồng mà vợ chồng không thanh toán nợ. Nay yêu cầu ông **H** và bà **Diễm T** cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay vốn là 80.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/03/2023 đến ngày xét xử. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp giấy CNQSD CL732033 số cấp CH04872 diện tích 76,8m², tờ bản đồ số 14, thửa số 215 do **UBND huyện P** cấp ngày 06/12/2017 cho ông **H** và bà **Diễm T** cùng đứng tên để đảm bảo số nợ đã vay.

Bị đơn ông **Trần Quang H** và bà **Huỳnh Thị Diễm T** đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông, bà đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai, thông báo kết quả phiên họp và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa: bà **Phan Ngọc N** rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp ngày 17/5/2021, không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Về nội dung vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vốn là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, do đó, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **Trần Quang H** và bà **Huỳnh Thị Diễm T** có trách nhiệm trả nợ cho bà **Phan Ngọc N** số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng). Đối với hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà **Phan Ngọc N** và ông **H1**, bà **T** do các bên không đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ chi nhánh P** theo quy định nên không phát sinh hiệu lực, tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp là

có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Phan Ngọc N tranh chấp với ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T về hợp đồng vay tài sản, ông H, bà T có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2021, thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 17/5/2023, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H và bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng và kiêm thể chấp quyền sử dụng đất ngày 17/5/2021 giữa bà Phan Ngọc N và ông H, bà T; nội dung ông H, bà T vay của bà N số tiền 80.000.000đ, lãi suất 12%/ năm và đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay. Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình vay, phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng không đóng lãi đầy đủ và đến hạn vay không trả nên bà Phan Ngọc N yêu cầu trả số tiền còn thiếu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17 tháng 5 năm 2021, phía ông H bà T có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04872 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp cho vợ chồng ông H, bà T cùng đứng tên diện tích 215m², thửa đất số 215, tờ bản đồ số 14 cấp ngày 06/12/2017 đất tọa lạc tại thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang do chưa được đăng ký theo quy định của pháp luật

nên giao dịch chưa có hiệu lực pháp luật và cũng chưa làm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Bà Phan Ngọc N có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Quang H2 và bà Huỳnh Thị D Thuý giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04872, diện tích 76,8m², thửa 215 tờ bản đồ 14, ngày 06/12/2017 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T đứng tên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc N chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 217; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc N đối với ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T.

Buộc ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Ngọc N số tiền là 80.000.000 đồng.

Ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận thì còn phải trả lãi cho bà Phan Ngọc N đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng ngày 17/5/2021 với mức lãi suất là 12%/ năm được tính từ ngày 02/4/2024 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/03/2023 đến ngày xét xử của bà Phan Ngọc N.

Đình chỉ yêu cầu của bà Phan Ngọc N về việc yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất giữa bà Phan Ngọc N với ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị D Thuý theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04872, diện tích 76,8m², thửa 215 tờ bản đồ 14, ngày 06/12/2017 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T đứng tên.

Bà Phan Ngọc N có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Quang H2 và bà Huỳnh Thị D Thuý giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04872, diện tích 76,8m², thửa 215 tờ bản đồ 14, ngày 06/12/2017 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T đứng tên.

Về án phí: ông Trần Quang H và bà Huỳnh Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phan Ngọc N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006410 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

Lê Lâm Bảo Ngọc